

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **M40** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **20** tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; Quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực Chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2972/QĐ-BNN-CN ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 149/TTr-SNN ngày 18 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; Quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực

Chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2.

- Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Viễn thông Đắk Nông công khai, đồng bộ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; đồng thời, niêm yết, công khai nội dung TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính căn cứ thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, cập nhật thành phần hồ sơ, trình tự, quy trình thực hiện đối với thủ tục hành chính kèm theo Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

- UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa niêm yết, công khai nội dung TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/9/2024.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Viễn Thông Đắk Nông;
- Lưu: VT, TTPVHCC, NC (Đ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Chiến

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHĂN NUÔI
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số M40 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

A. DANH MỤC TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

| Stt | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên văn bản quy định nội dung TTHC | Lĩnh vực | Cơ quan giải quyết TTHC | Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định |
|----------|------------------------------------|---|---|-----------|---|---|
| A | Thủ tục hành chính cấp tỉnh | | | | | |
| 1 | 1.012832 | Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi. - Quyết định số 2972/QĐ-BNN-CN ngày 29/8/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. | Chăn nuôi | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính) | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND cấp tỉnh |
| 2 | 1.012833 | Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công | | Chăn nuôi | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Chủ tịch UBND cấp tỉnh |
| 3 | 1.012834 | Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước | | Chăn nuôi | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND cấp tỉnh |
| 4 | 1.012835 | Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi ¹ | | Chăn nuôi | Sở Tài chính | Sở Tài chính |

¹ Nội dung chi tiết và Quy trình nội bộ ban hành sau

| Stt | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên văn bản quy định nội dung TTHC | Lĩnh vực | Cơ quan giải quyết TTHC | Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định |
|----------|-------------------------------------|---|--|-----------|------------------------------|--|
| B | Thủ tục hành chính cấp huyện | | | | | |
| 1 | 1.012836 | Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước | - Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi. | Chăn nuôi | Cơ quan chuyên môn cấp huyện | UBND cấp huyện |
| 2 | 1.012837 | Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước | - Quyết định số 2972/QĐ-BNN-CN ngày 29/8/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. | Chăn nuôi | Cơ quan chuyên môn cấp huyện | UBND cấp huyện |

(Danh mục có 06 thủ tục hành chính)

B. NỘI DUNG CHI TIẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|---|--|---------------|--|
| I | Thủ tục hành chính cấp tỉnh | | | | |
| 1 | <p>Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công.</p> <p>- Mã số: 1.012832</p> | <p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề xuất hỗ trợ đầu tư theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP của Chính phủ; - Đề xuất dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng; - Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư quy định tại Điều 30, 31 và 32 Luật Đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Đầu tư; - Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (đối với nội dung hỗ trợ kinh phí mua thiết bị từ nước | <p>a) Đối tượng thực hiện</p> <p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ để được hỗ trợ:</p> <p>(i) Sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nguyên liệu trong nước để sản xuất thức ăn chăn nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện xây dựng vùng trồng cây nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi bao gồm đường trục chính nội đồng, thủy lợi, hệ thống tưới tiêu, điện, khu tập kết sản phẩm sau thu hoạch. - Chi phí mua vật tư, thiết bị thu gom, đóng gói, vận chuyển, sơ chế, chế biến, bảo quản phụ phẩm công nghiệp, nông nghiệp làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi đối với dự án có tổng công suất sản xuất thiết kế đạt tối thiểu 100.000 tấn/năm. - Kinh phí mua thiết bị từ nước ngoài để sản xuất nguyên liệu đơn làm thức ăn bổ sung trong nước đối với các dự án có công suất sản xuất thiết kế tối thiểu 30 tấn/năm; <p>(ii) Phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi: chi phí xây dựng kho lạnh bảo quản sản phẩm thịt gia súc, gia cầm;</p> <p>(iii) Di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi: chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ chăn nuôi theo diện tích chuồng trại hiện có của cơ sở chăn nuôi thuộc đối</p> | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 10, Điều 13 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi; - Quyết định số 2972/QĐ-BNN-CN ngày 29/8/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. |



| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|----------------------|--|--|---------------|----------------|
| | | <p>ngoài để sản xuất nguyên liệu đơn làm thức ăn bổ sung trong nước đối với dự án có công suất sản xuất thiết kế tối thiểu 30 tấn/năm);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chứng minh thuộc đối tượng di dời (đối với nội dung hỗ trợ chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ chăn nuôi theo diện tích chuồng trại hiện có của cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải di dời); - Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi (đối với nội dung hỗ trợ công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi đối với trang trại chăn nuôi quy mô lớn); <p>++Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: các thành phần hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao chứng thực hoặc bản chụp không chứng thực kèm bản chính để đối chiếu.</p> <p>++Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: các</p> | <p>tượng phải di dời;</p> <p>(iv) Khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi: công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi đối với trang trại chăn nuôi quy mô lớn.</p> <p>b) Trình tự thực hiện</p> <p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông. Địa chỉ: Số 98 đường 23/3, phường Nghĩa Đức, TP. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (<i>tầng trệt trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông</i>). - Trực tuyến tại Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo link https://dichvucong.daknong.gov.vn) <p>* Tiếp nhận, trả lời hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức đến nộp hồ sơ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có): <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). + Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu). | | |

| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|----------------------|---|--|---------------|----------------|
| | | <p>thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP Ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ</p> | <p>+ Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu).</p> <p>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông nghiệp) để giải quyết.</p> <p>Bước 2: Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông nghiệp) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện Bước 3.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Phát triển nông nghiệp thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông; Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTPVHCC thông báo cho chủ rừng điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>Bước 3: Xử lý hồ sơ</p> <p><i>Thẩm tra điều kiện hỗ trợ, dự kiến mức kinh phí hỗ trợ cho dự án</i></p> <p>Trong thời hạn 15 ngày làm việc tính từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và PTNT, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thẩm tra</p> | | |

| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|----------------------|-------------------------------|---|---------------|----------------|
| | | | <p>điều kiện hỗ trợ, dự kiến mức kinh phí hỗ trợ cho dự án.</p> <p>Trường hợp hồ sơ đáp ứng điều kiện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi Văn bản thẩm tra hỗ trợ đầu tư theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP gửi tới TTPVHCC để trả cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi văn bản trong đó nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 4: Xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công</p> <p>Căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, tình hình phát triển chăn nuôi tại địa phương và kết quả thẩm tra hỗ trợ đầu tư của tổ chức, cá nhân (nếu có), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu đề xuất hỗ trợ của tổ chức, cá nhân được hỗ trợ đầu tư vào chăn nuôi và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công hàng năm vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về đầu tư công.</p> <p>+ <i>Gửi Quyết định kế hoạch đầu tư</i></p> <p>Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm gửi Quyết định kế hoạch đầu tư công hàng năm tới Sở Tài chính và tổ chức, cá nhân đề xuất hỗ trợ đầu tư.</p> <p>Bước 5: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh</p> | | |

| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|----------------------|-------------------------------|--|---------------|----------------|
| | | | <p>Đắk Nông (Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đắk Nông đính kèm kết quả Quyết định kế hoạch đầu tư công hằng năm sau khi Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về đầu tư công trên phần mềm Một cửa điện tử và trả kết quả bản giấy cho tổ chức, cá nhân).</p> <p>c) Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 17,5 ngày làm việc. - Không tính thời gian của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh. <p>d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện hỗ trợ sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nguyên liệu trong nước để sản xuất thức ăn chăn nuôi + Địa điểm sản xuất phù hợp với quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đối với nội dung hỗ trợ thực hiện xây dựng vùng trồng cây nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi bao gồm đường trục chính nội đồng, thủy lợi, hệ thống tưới tiêu, điện, khu tập kết sản phẩm sau thu hoạch. + Đáp ứng điều kiện về cơ sở sản xuất thức ăn | | |

| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|----------------------|-------------------------------|--|---------------|----------------|
| | | | <p>chăn nuôi theo quy định tại Điều 38 Luật Chăn nuôi, các văn bản hướng dẫn Luật Chăn nuôi và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với nội dung hỗ trợ kinh phí mua thiết bị từ nước ngoài để sản xuất nguyên liệu đơn làm thức ăn bổ sung trong nước đối với các dự án có công suất sản xuất thiết kế tối thiểu 30 tấn/năm.</p> <p>- Điều kiện hỗ trợ phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi</p> <p>+ Phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.</p> <p>+ Xây dựng và phát triển thị trường đối với các sản phẩm chăn nuôi có chuỗi liên kết giá trị từ chăn nuôi - giết mổ - chế biến hoặc chăn nuôi - giết mổ - chế biến - tiêu thụ.</p> <p>- Điều kiện hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi: Cơ sở chăn nuôi được xây dựng và hoạt động trước ngày Luật Chăn nuôi có hiệu lực thi hành và đang hoạt động trong khu vực không được phép chăn nuôi thuộc diện phải di dời theo quy định hiện hành.</p> <p>- Điều kiện hỗ trợ khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi: đáp ứng quy định tại Điều 55, Điều 56, khoản 2 Điều 57 Luật Chăn nuôi.</p> <p>e) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>- Văn bản thẩm tra hỗ trợ đầu tư theo Mẫu số 02</p> | | |

| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|---|---------------|--|
| | | | Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP; - Quyết định kế hoạch đầu tư công hàng năm. | | |
| 2 | Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công - Mã số: 1.012833 | <p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị nghiệm thu theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP; - Báo cáo kiểm toán độc lập đối với chi phí xây dựng, chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ của công trình, hạng mục công trình dự kiến được hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 106/2024/NĐ-CP; - Hồ sơ quyết toán công trình, hạng mục công trình dự kiến được hỗ trợ; - Báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh quý gần nhất trong trường hợp đang tiến hành sản xuất, kinh doanh. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ</p> | <p>a) Đối tượng thực hiện Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ sau khi công trình, hạng mục công trình của dự án dự kiến được hỗ trợ hoàn thành)</p> <p>b) Trình tự thực hiện Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông. Địa chỉ: Số 98 đường 23/3, phường Nghĩa Đức, TP. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (<i>tầng trệt trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông</i>). - Trực tuyến tại Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo link https://dichvucong.daknong.gov.vn) * Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức đến nộp hồ sơ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có): + Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). + Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 10, Điều 13 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi; - Quyết định số 2972/QĐ-BNN-CN ngày 29/8/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. |

| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|----------------------|-------------------------------|---|---------------|----------------|
| | | | <p>hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu).</p> <p>+ Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu).</p> <p>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông nghiệp) để giải quyết.</p> <p>Bước 2: Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông nghiệp) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện Bước 3.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Phát triển nông nghiệp thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông; Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông thông báo cho chủ rừng điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>Bước 3: Thành lập Hội đồng nghiệm thu và tiến hành nghiệm thu:</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc tính từ ngày</p> | | |

| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|----------------------|-------------------------------|---|---------------|----------------|
| | | | <p>nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị nghiệm thu của tổ chức, cá nhân; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng nghiệm thu có đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng và đại diện các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan trong trường hợp cần thiết.</p> <p>- Nội dung nghiệm thu: mức độ hoàn thành công trình, hạng mục công trình được hỗ trợ, tình trạng hoạt động của dự án, việc đáp ứng điều kiện hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 106/2024/NĐ-CP.</p> <p>- Công trình, hạng mục công trình được hỗ trợ khi đáp ứng nguyên tắc hỗ trợ quy định tại Điều 4 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP và các điều kiện, mức hỗ trợ tương ứng với đối tượng tại Điều 5, 6, 7 và 10 Nghị định này.</p> <p>- Hội đồng nghiệm thu tổ chức kiểm tra thực địa dự án trong trường hợp cần thiết. Căn cứ nội dung nghiệm thu, Hội đồng nghiệm thu xác định công trình, hạng mục công trình được hỗ trợ, mức hỗ trợ và lập Biên bản nghiệm thu theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP trong thời hạn 20 ngày ngày làm việc tính từ khi ban hành Quyết định thành lập Hội đồng.</p> <p>Bước 4: Xem xét, ban hành Quyết định hỗ trợ đầu tư</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc tính từ ngày có</p> | | |

| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|----------------------|-------------------------------|---|---------------|----------------|
| | | | <p>Biên bản nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định hỗ trợ đầu tư cho tổ chức, cá nhân theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>Bước 5: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đắk Nông (<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi Quyết định hỗ trợ đầu tư đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính</i>).</p> <p>c) Thời hạn giải quyết: 35 ngày làm việc. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 29,5 ngày làm việc. - UBND tỉnh: 5 ngày làm việc. <p>d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Điều kiện hỗ trợ sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nguyên liệu trong nước để sản xuất thức ăn chăn nuôi; hỗ trợ phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi:</i> + Dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư; + Có hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản mục chi phí thực hiện. | | |

| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|--|--|------------|--|
| | | | <p>- Điều kiện hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi: Việc hỗ trợ được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi đã hoàn thành việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.</p> <p>- Điều kiện hỗ trợ khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi: Có chăn nuôi gia súc, gia cầm và xây dựng mới công trình khí sinh học đáp ứng đúng hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về xử lý chất thải chăn nuôi hoặc sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi đã được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc xây dựng mới công trình khí sinh học, sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi đã được công nhận tiên bộ kỹ thuật ngành nông nghiệp lĩnh vực chăn nuôi.</p> <p>e) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hỗ trợ đầu tư cho tổ chức, cá nhân theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP.</p> | | |
| 3 | Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự | <p>a) Thành phần hồ sơ: (i) Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nguyên liệu trong nước để sản xuất thức ăn chăn nuôi:</p> | <p>a) Đối tượng thực hiện Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ để được hỗ trợ: (i) Sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nguyên liệu trong nước để sản xuất thức ăn chăn nuôi: - Kinh phí mua bản quyền công nghệ từ nước</p> | Không | <p>- Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 10, Điều 14 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ</p> |



| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|---|--|------------|---|
| | nghiệp nguồn ngân sách nhà nước - Mã số: 1.012834 | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP; - Hoá đơn, chứng từ liên quan đến các khoản mục chi phí. (ii) Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi; di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi; khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi đối với trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ và vừa (sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhằm khuyến khích áp dụng để xử lý chất thải chăn nuôi; công trình khí sinh học nhằm khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi): <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP; - Hoá đơn, chứng từ liên quan đến các khoản mục chi | ngoài để sản xuất nguyên liệu đơn làm thức ăn bổ sung trong nước đối với dự án có công suất sản xuất thiết kế tối thiểu 30 tấn/năm; <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí mua bồn bảo quản thức ăn chăn nuôi dạng hàng rời tại trang trại chăn nuôi quy mô vừa và lớn; - Chi phí mua giống cây trồng làm cây thức ăn chăn nuôi đối với dự án có diện tích đất trồng tối thiểu 10 ha/dự án. (ii) Phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi: <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí quảng bá thương hiệu sản phẩm; - Chi phí về đào tạo xây dựng chiến lược phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi. (iii) Di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi: chi phí di dời vật nuôi đến địa điểm mới phù hợp; <ul style="list-style-type: none"> (iv) Mua đực giống trâu, bò, dê, cừu, lợn, hươu sao để phối giống và gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ; (v) Khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi: <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhằm khuyến khích áp dụng để xử lý chất thải chăn nuôi (đối với chăn nuôi nông hộ, chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và vừa); - Công trình khí sinh học nhằm khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi (đối với chăn nuôi nông hộ, chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và vừa); - Chi phí mua vật tư, thiết bị, chi phí xét nghiệm để khuyến khích thực hiện chăn nuôi theo tiêu chí | | quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi; <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2972/QĐ-BNN-CN ngày 29/8/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. |

| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|----------------------|---|---|---------------|----------------|
| | | <p>phí.</p> <p>(iii) Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ mua đực giống trâu, bò, dê, cừu, lợn, hươu sao để phối giống và gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP; - Giấy xác nhận về nguồn gốc hoặc lý lịch vật nuôi; - Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật (nếu có); - Chứng từ, hoá đơn mua bán con giống hoặc hợp đồng, thanh lý hợp đồng mua bán con giống; - Biên bản nghiệm thu gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ sau 38 tuần tuổi. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.</p> | <p>an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh.</p> <p>b) Trình tự thực hiện</p> <p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông. Địa chỉ: Số 98 đường 23/3, phường Nghĩa Đức, TP. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (tầng trệt trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông). - Trực tuyến tại Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo link https://dichvucong.daknong.gov.vn) <p>* Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: TTPVHCC kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức đến nộp hồ sơ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có): <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). + Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu). + Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu). <p>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận</p> | | |

| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|----------------------|-------------------------------|--|---------------|----------------|
| | | | <p>hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông nghiệp) để giải quyết.</p> <p>Bước 2: Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông nghiệp) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện Bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Phát triển nông nghiệp thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông; Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) TTPVHCC thông báo cho chủ rừng điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. <p>Bước 3: Thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 17 ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Nông nghiệp và PTNT thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ. - Hội đồng thẩm định hồ sơ có từ 07 đến 09 người gồm lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT là Chủ tịch Hội đồng, các thành viên là đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và | | |

| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|----------------------|-------------------------------|--|---------------|----------------|
| | | | <p>Môi trường, các Sở, ban, ngành và lãnh đạo Ủy ban nhân dân các huyện có liên quan.</p> <p>- Hội đồng thẩm định về tính xác thực và nội dung của thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP; tổ chức kiểm tra thực tế trong trường hợp cần thiết.</p> <p>Bước 4: Tham mưu ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ</p> <p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc tính từ ngày có Biên bản thẩm định của Hội đồng Thẩm định, Sở Nông nghiệp và PTNT trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho tổ chức; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 5: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đắk Nông.</p> <p>c) Thời hạn giải quyết: 23 ngày làm việc. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 19,5 ngày làm việc. - UBND tỉnh: 3 ngày làm việc. <p>d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện</p> <p>- Điều kiện hỗ trợ sản xuất, chế biến, bảo quản</p> | | |

| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|----------------------|-------------------------------|--|---------------|----------------|
| | | | <p><i>và tiêu thụ nguyên liệu trong nước để sản xuất thức ăn chăn nuôi</i></p> <p>+ Đáp ứng điều kiện về cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi theo quy định tại Điều 38 Luật Chăn nuôi, các văn bản hướng dẫn Luật Chăn nuôi và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với nội dung hỗ trợ được quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này.</p> <p>+ Đáp ứng điều kiện cơ sở chăn nuôi theo quy định tại Điều 55 Luật Chăn nuôi, các văn bản hướng dẫn Luật Chăn nuôi và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với nội dung hỗ trợ kinh phí mua bản quyền công nghệ từ nước ngoài để sản xuất nguyên liệu đơn làm thức ăn bổ sung trong nước đối với dự án có công suất sản xuất thiết kế tối thiểu 30 tấn/năm.</p> <p>+ Có hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản mục chi phí thực hiện.</p> <p>- Điều kiện hỗ trợ phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi</p> <p>+ Phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.</p> <p>+ Xây dựng và phát triển thị trường đối với các sản phẩm chăn nuôi có chuỗi liên kết giá trị từ chăn nuôi - giết mổ - chế biến hoặc chăn nuôi - giết mổ - chế biến - tiêu thụ.</p> | | |

| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|----------------------|-------------------------------|--|---------------|----------------|
| | | | <p>+ Có hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản mục chi phí thực hiện.</p> <p>- Điều kiện hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi</p> <p>+ Cơ sở chăn nuôi được xây dựng và hoạt động trước ngày Luật Chăn nuôi có hiệu lực thi hành và đang hoạt động trong khu vực không được phép chăn nuôi thuộc diện phải di dời theo quy định hiện hành.</p> <p>+ Việc hỗ trợ được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi đã hoàn thành việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.</p> <p>- Điều kiện hỗ trợ mua đực giống trâu, bò, dê, cừu, lợn, hươu sao và gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ</p> <p>+ Đáp ứng quy định tại Điều 56, khoản 2 Điều 57 Luật Chăn nuôi.</p> <p>+ Mua con giống có nguồn gốc rõ ràng, bảo đảm chất lượng theo quy định của Luật Chăn nuôi, Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn Luật Chăn nuôi, Luật Thú y.</p> <p>+ Mỗi hộ chăn nuôi chỉ được hỗ trợ một lần đối với chi phí mua đực giống trâu, bò, dê, cừu, lợn, hươu sao để phối giống hoặc chi phí mua gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ.</p> <p>+ Gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ được nghiệm thu sau 38 tuần tuổi.</p> | | |

| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----------|--|---|--|---------------|--|
| | | | <p>- Điều kiện hỗ trợ khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi</p> <p>+ Đáp ứng quy định tại Điều 55, Điều 56, khoản 2 Điều 57 Luật Chăn nuôi.</p> <p>+ Có chăn nuôi gia súc, gia cầm và xây dựng mới công trình khí sinh học đáp ứng đúng hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và PTNT về xử lý chất thải chăn nuôi hoặc sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi đã được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và PTNT hoặc xây dựng mới công trình khí sinh học, sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi đã được công nhận tiến bộ kỹ thuật ngành nông nghiệp lĩnh vực chăn nuôi.</p> <p>e) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ.</p> | | |
| II | Thủ tục hành chính cấp huyện | | | | |
| 1 | Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liều tinh đê | <p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <p>(i) Hồ sơ người làm dịch vụ phối giống gửi Tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc:</p> <p>Danh sách gia súc đã được phối giống nhân tạo có xác nhận của Ủy ban nhân dân</p> | <p>a) Đối tượng thực hiện Tổ chức, cá nhân</p> <p>b) Trình tự thực hiện</p> <p>Bước 1: Lập danh sách gia súc được phối giống</p> <p>Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc lập danh sách gia súc đã được phối giống nhân tạo có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nộp cho tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc.</p> | Không | <p>- Điều 8, Điều 14, Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.</p> <p>- Quyết định số 2972/QĐ-BNN-CN</p> |

| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|---|---------------|---|
| | <p>thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước</p> <p>- Mã số: 1.012836</p> | <p>cấp xã</p> <p>(ii) Hồ sơ Tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gửi Cơ quan chuyên môn cấp huyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc; - Hợp đồng cung cấp vật tư phối giống nhân tạo gia súc giữa cơ sở được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc và cơ sở được lựa chọn cung cấp vật tư phối giống nhân tạo gia súc; - Danh sách hộ chăn nuôi trâu, bò cái được phối giống nhân tạo theo Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP hoặc Danh sách hộ chăn nuôi lợn nái được phối giống nhân | <p>Bước 2: Tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc tổng hợp danh sách gia súc đã được phối giống nhân tạo nộp hồ sơ định kỳ 03 tháng/lần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa. - Trực tuyến tại Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo link https://dichvucong.daknong.gov.vn) <p>Bước 3: Tổ chức thẩm định, nghiệm thu kết quả phối giống:</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày tính từ ngày kết thúc thời hạn nộp hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ; phối hợp với các cơ quan có liên quan ở địa phương tổ chức nghiệm thu kết quả phối giống nhân tạo gia súc theo quy định.</p> <p>Trường hợp kết quả thẩm định, nghiệm thu đạt yêu cầu, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện hỗ trợ kinh phí cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống nhân tạo gia súc; công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) theo quy định của Luật Ngân sách; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa.</p> <p>c) Thời hạn giải quyết:</p> | | <p>ngày 29/8/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</p> |

| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|---|---|------------|--|
| | | tạo theo Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP; - Biên bản nghiệm thu kết quả phối giống nhân tạo gia súc đã được thực hiện. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ. | - Nộp danh sách gia súc đã được phối giống nhân tạo cho cơ quan chuyên môn cấp huyện: 03 tháng/lần. - Tổ chức thẩm định hồ sơ và nghiệm thu kết quả phối giống nhân tạo: trong thời hạn 90 ngày, tính từ ngày kết thúc thời hạn nộp hồ sơ. d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Đáp ứng quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Chăn nuôi. e) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Hỗ trợ cung cấp vật tư, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái. | | |
| 2 | Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng | a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP; - Chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo, tập huấn do cơ sở đào tạo cấp; - Hoá đơn, chứng từ liên quan; - Giấy cam kết về thực hiện nghề đã được đào tạo chuyển đổi ít nhất 05 năm sau khi được nhận hỗ trợ (áp dụng đối với chuyển đổi ngành nghề | a) Đối tượng thực hiện Tổ chức, cá nhân b) Trình tự thực hiện Bước 1: Nộp hồ sơ: Đối tượng được hỗ trợ nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tới Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 25 của tháng cuối hằng quý: - Theo đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa. - Trực tuyến tại Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo link https://dichvucong.daknong.gov.vn) Bước 2: Thẩm định hồ sơ Trong thời hạn 20 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện | Không | - Điều 7, Điều 8, Điều 14, Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi. - Quyết định số 2972/QĐ-BNN-CN ngày 29/8/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực |

| TT | Tên TTHC; Mã TTHC | Thành phần, số lượng hồ sơ | Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện | Phí lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|---|---------------|---|
| | bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước - Mã số: 1.012837 | khi thực hiện di dời cơ sở chăn nuôi); - Bản cam kết thực hiện công tác phối giống nhân tạo gia súc trong thời gian ít nhất 05 năm sau khi được nhận hỗ trợ (áp dụng đối với đào tạo kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ | thẩm định hồ sơ. Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản cho đối tượng được hỗ trợ và nêu rõ lý do. Bước 3: Thực hiện hỗ trợ kinh phí Trong thời hạn 20 ngày tính từ ngày có quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện hỗ trợ kinh phí cho đối tượng được hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách. Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa. c) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 40 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: <i>Điều kiện hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi:</i> Người được đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác phải có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo do cơ sở đào tạo cấp và cam kết thực hiện nghề đã được đào tạo chuyển đổi ít nhất 05 năm sau khi được nhận hỗ trợ. e) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ. | | chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT. |

**QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHĂN NUÔI MỚI BAN HÀNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công (Mã số: 1.012832) 18 (ngày làm việc) x 08 giờ = 144 giờ

| Cơ quan | Bước thực hiện | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện | Kết quả thực hiện | TG quy định | Trước hạn (2đ) | Đúng hạn (1đ) | Quá hạn (0đ) |
|--------------------------------|----------------|---|--|---|-------------|----------------|---------------|--------------|
| Trung tâm PVHCC | Bước 1 | Bộ phận TN&TKQ | CC,VC | 1. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). 2. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). 3. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). 4. Chuyển hồ sơ. | 04 giờ | | | |
| Chi cục Phát triển nông nghiệp | Bước 2 | Phòng Kỹ thuật Chăn nuôi, thú y và thủy sản | Lãnh đạo phòng Kỹ thuật Chăn nuôi, thú y và thủy sản | Phân công chuyên viên thụ lý | 04 giờ | | | |

| Cơ quan | Bước thực hiện | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện | Kết quả thực hiện | TG quy định | Trước hạn (2đ) | Đúng hạn (1đ) | Quá hạn (0đ) |
|---------|----------------|------------------|---|--|-------------|----------------|---------------|--------------|
| | | | Chuyên viên phòng Kỹ thuật Chăn nuôi, thú y và thủy sản | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện bước tiếp theo. + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, đơn vị chuyên môn được giao nhiệm vụ thông báo bằng văn bản gửi TTHCC tỉnh để thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định (thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) - Tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT: + Tham mưu văn bản đề nghị Sở Kế hoạch đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan phối hợp thẩm tra điều kiện hỗ trợ, dự kiến mức kinh phí hỗ trợ cho dự án; + Tổng hợp, soạn thảo văn bản thẩm tra hỗ trợ đầu tư hoặc văn bản trong trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện. - Trình lãnh đạo phòng xem xét | 116 giờ | | | |
| | | | Lãnh đạo phòng Kỹ thuật Chăn nuôi, thú y và thủy sản | Xem xét trình lãnh đạo Chi cục ký nháy | 04 giờ | | | |
| | | Lãnh đạo Chi cục | Lãnh đạo Chi cục | Duyệt, ký nháy | 04 giờ | | | |

| Cơ quan | Bước thực hiện | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện | Kết quả thực hiện | TG quy định | Trước hạn (2đ) | Đúng hạn (1đ) | Quá hạn (0đ) |
|------------------------|----------------|---------------------------------|---------------------------------|---|----------------------|----------------|---------------|--------------|
| Sở Nông nghiệp và PTNT | | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT | Ký duyệt | 08 giờ | | | |
| | | Văn phòng | Văn thư | - Đóng dấu (nếu có) - Chuyển hồ sơ, văn bản đến Trung tâm PVHCC | 04 giờ | | | |
| Trung tâm PVHCC | Bước 3 | Bộ phận TN&TKQ | CC, VC | - Thông báo cho tổ chức, cá nhân. - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Đính kèm kết quả Quyết định kế hoạch đầu tư công hằng năm sau khi Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về đầu tư công trên phần mềm Một cửa điện tử và trả kết quả bản giấy cho tổ chức, cá nhân. | Không tính thời gian | | | |

2. Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công (Mã số: 1.012833) 35 (ngày làm việc) x 08 giờ = 280 giờ

| Cơ quan | Bước thực hiện | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện | Kết quả thực hiện | TG quy định | Trước hạn (2đ) | Đúng hạn (1đ) | Quá hạn (0đ) |
|-----------------|----------------|------------------|-----------------|--|-------------|----------------|---------------|--------------|
| Trung tâm PVHCC | Bước 1 | Bộ phận TN&TKQ | CC, VC | 1. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). 2. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện | 04 giờ | | | |

| Cơ quan | Bước thực hiện | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện | Kết quả thực hiện | TG quy định | Trước hạn (2đ) | Đúng hạn (1đ) | Quá hạn (0đ) |
|--------------------------------|----------------|---|---|--|-------------|----------------|---------------|--------------|
| | | | | <p>hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu).</p> <p>3. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu).</p> <p>4. Chuyển hồ sơ.</p> | | | | |
| Chi cục Phát triển nông nghiệp | Bước 2 | Phòng Kỹ thuật Chăn nuôi, thú y và thủy sản | Lãnh đạo phòng Kỹ thuật Chăn nuôi, thú y và thủy sản | Phân công chuyên viên thụ lý | 04 giờ | | | |
| | | | Chuyên viên phòng Kỹ thuật Chăn nuôi, thú y và thủy sản | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện bước tiếp theo. + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, đơn vị chuyên môn được giao nhiệm vụ thông báo bằng văn bản gửi TTHCC tỉnh để thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định (thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính). | 16 giờ | | | |
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT: + Thành lập Hội đồng nghiệm thu có đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở xây dựng và đại diện các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan trong trường hợp cần thiết. + Hội đồng nghiệm thu tổ chức kiểm tra thực địa dự án trong trường hợp cần thiết và lập biên | 196 giờ | | | |

| Cơ quan | Bước thực hiện | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện | Kết quả thực hiện | TG quy định | Trước hạn (2đ) | Đúng hạn (1đ) | Quá hạn (0đ) |
|------------------------|----------------|---------------------------------|--|---|-------------|----------------|---------------|--------------|
| | | | | bản nghiệm thu. + Soạn thảo Tờ trình; Dự thảo Quyết định hỗ trợ đầu tư hoặc văn bản trả lời trong trường hợp từ chối. - Trình lãnh đạo phòng xem xét. | | | | |
| | | | Lãnh đạo phòng Kỹ thuật Chăn nuôi, thú y và thủy sản | Xem xét trình lãnh đạo Chi cục ký nháy | 04 giờ | | | |
| | | Lãnh đạo Chi cục | Lãnh đạo Chi cục | Duyệt, ký nháy | 04 giờ | | | |
| Sở Nông nghiệp và PTNT | Bước 3 | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT | Ký duyệt | 08 giờ | | | |
| | | Văn phòng | Văn thư | - Đóng dấu (nếu có) - Chuyển hồ sơ, văn bản đến UBND tỉnh | 04 giờ | | | |
| UBND tỉnh | Bước 4 | Văn phòng | Văn thư | Chuyển hồ sơ cho phòng, ban chuyên môn | 02 giờ | | | |
| | | Phòng ban chuyên môn | Lãnh đạo | Duyệt hồ sơ, chuyển chuyên viên thụ lý | 04 giờ | | | |
| | | | Chuyên viên | Xử lý hồ sơ trình lãnh đạo | 24 giờ | | | |

| Cơ quan | Bước thực hiện | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện | Kết quả thực hiện | TG quy định | Trước hạn (2đ) | Đúng hạn (1đ) | Quá hạn (0đ) |
|-----------------|----------------|--------------------|-----------------|--|----------------------|----------------|---------------|--------------|
| | | VP UBND tỉnh | Lãnh đạo | Duyệt trình lãnh đạo UBND tỉnh | 04 giờ | | | |
| | | Lãnh đạo UBND tỉnh | Lãnh đạo | Ký Quyết định công nhận hoặc văn bản thông báo lý do từ chối không công nhận | 04 giờ | | | |
| | | Văn phòng | Văn thư | - Đóng dấu - Chuyển kết quả về TTHCC | 02 giờ | | | |
| Trung tâm PVHCC | Bước 5 | Bộ phận TN&TKQ | CC, VC | - Thông báo cho tổ chức, cá nhân. - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. | Không tính thời gian | | | |

3. Thủ tục Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước (Mã số: 1.012834) 23 (ngày làm việc) x 08 giờ = 184 giờ

| Cơ quan | Bước thực hiện | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện | Kết quả thực hiện | TG quy định | Trước hạn (2đ) | Đúng hạn (1đ) | Quá hạn (0đ) |
|-----------------|----------------|------------------|-----------------|---|-------------|----------------|---------------|--------------|
| Trung tâm PVHCC | Bước 1 | Bộ phận TN&TKQ | CC,VC | 1. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). 2. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). 3. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). 4. Chuyển hồ sơ. | 04 giờ | | | |

| Cơ quan | Bước thực hiện | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện | Kết quả thực hiện | TG quy định | Trước hạn (2đ) | Đúng hạn (1đ) | Quá hạn (0đ) |
|--------------------------------|----------------|---|---|--|-------------|----------------|---------------|--------------|
| Chi cục Phát triển nông nghiệp | Bước 2 | Phòng Kỹ thuật Chăn nuôi, thú y và thủy sản | Lãnh đạo phòng Kỹ thuật Chăn nuôi, thú y và thủy sản | Phân công chuyên viên thụ lý | 04 giờ | | | |
| | | | Chuyên viên phòng Kỹ thuật Chăn nuôi, thú y và thủy sản | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện bước tiếp theo. + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, đơn vị chuyên môn được giao nhiệm vụ thông báo bằng văn bản gửi TTHCC tỉnh để thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định (thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính). | 16 giờ | | | |
| | | | Chuyên viên phòng Kỹ thuật Chăn nuôi, thú y và thủy sản | <ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT: + Thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ. + Tổ chức kiểm tra thực tế trong trường hợp cần thiết. + Soạn thảo Tờ trình; Dự thảo Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ hoặc văn bản trả lời trong trường hợp từ chối. - Trình lãnh đạo phòng xem xét. | 116 giờ | | | |
| | | | Lãnh đạo phòng Kỹ thuật Chăn | Xem xét trình lãnh đạo Chi cục ký nháy | 04 giờ | | | |

| Cơ quan | Bước thực hiện | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện | Kết quả thực hiện | TG quy định | Trước hạn (2đ) | Đúng hạn (1đ) | Quá hạn (0đ) |
|------------------------|----------------|---------------------------------|---------------------------------|--|-------------|----------------|---------------|--------------|
| | | | nuôi, thú y và thủy sản | | | | | |
| | | Lãnh đạo Chi cục | Lãnh đạo Chi cục | Duyệt, ký nháy | 04 giờ | | | |
| Sở Nông nghiệp và PTNT | Bước 3 | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT | Ký duyệt | 08 giờ | | | |
| | | Văn phòng | Văn thư | - Đóng dấu (nếu có) - Chuyển hồ sơ, văn bản đến UBND tỉnh | 04 giờ | | | |
| UBND tỉnh | Bước 4 | Văn phòng | Văn thư | Chuyển hồ sơ cho phòng, ban chuyên môn | 02 giờ | | | |
| | | Phòng ban chuyên môn | Lãnh đạo | Duyệt hồ sơ, chuyển chuyên viên thụ lý | 02 giờ | | | |
| | | | Chuyên viên | Xử lý hồ sơ trình lãnh đạo | 10 giờ | | | |
| | | VP UBND tỉnh | Lãnh đạo | Duyệt trình lãnh đạo UBND tỉnh | 02 giờ | | | |
| | | Lãnh đạo UBND tỉnh | Lãnh đạo | Ký Quyết định công nhận hoặc văn bản thông báo lý do từ chối không công nhận | 06 giờ | | | |
| | | Văn phòng | Văn thư | - Đóng dấu - Chuyển kết quả về TTHCC | 02 giờ | | | |

| Cơ quan | Bước thực hiện | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện | Kết quả thực hiện | TG quy định | Trước hạn (2đ) | Đúng hạn (1đ) | Quá hạn (0đ) |
|-----------------|----------------|------------------|-----------------|--|----------------------|----------------|---------------|--------------|
| Trung tâm PVHCC | Bước 5 | Bộ phận TN&TKQ | CC, VC | - Thông báo cho tổ chức, cá nhân. - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. | Không tính thời gian | | | |

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước (Mã số: 1.012836) 90 (ngày làm việc) x 08 giờ = 720 giờ

| Cơ quan | Bước thực hiện | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện | Kết quả thực hiện | TG quy định | Trước hạn (2đ) | Đúng hạn (1đ) | Quá hạn (0đ) |
|--|----------------|-------------------------------------|---------------------------|---|-------------|----------------|---------------|--------------|
| Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Bước 1 | Bộ phận TN&TKQ | CC,VC | 1. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). 2. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). 3. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). 4. Chuyển hồ sơ. | 04 giờ | | | |
| UBND cấp huyện | Bước 2 | Phòng chuyên môn được giao nhiệm vụ | Lãnh đạo phòng chuyên môn | Phân công chuyên viên thụ lý | 04 giờ | | | |

| Cơ quan | Bước thực hiện | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện | Kết quả thực hiện | TG quy định | Trước hạn (2đ) | Đúng hạn (1đ) | Quá hạn (0đ) |
|---------|----------------|--|--------------------------------|---|-------------|----------------|---------------|--------------|
| | | | Chuyên viên phòng chuyên môn | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện bước tiếp theo. + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, đơn vị chuyên môn được giao nhiệm vụ thông báo bằng văn bản gửi TTHCC tỉnh để thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định (thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) - Tham mưu UBND huyện: + Tổ chức thẩm định hồ sơ; phối hợp với các cơ quan có liên quan ở địa phương tổ chức nghiệm thu kết quả phối giống nhân tạo. + Tham mưu văn bản thực hiện hỗ trợ kinh phí cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống nhân tạo gia súc; công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) theo quy định của Luật Ngân sách; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do - Trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy | 668 giờ | | | |
| | | | Lãnh đạo phòng chuyên môn | Xem xét ký nháy trình lãnh đạo UBND huyện/ thành phố Gia Nghĩa ký duyệt | 08 giờ | | | |
| | | Lãnh đạo UBND huyện, thành phố Gia Nghĩa | Lãnh đạo UBND huyện, thành phố | Ký duyệt | 32 giờ | | | |

| Cơ quan | Bước thực hiện | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện | Kết quả thực hiện | TG quy định | Trước hạn (2đ) | Đúng hạn (1đ) | Quá hạn (0đ) |
|--|----------------|------------------|-----------------|---|----------------------|----------------|---------------|--------------|
| | | Văn thư | Văn thư | - Đóng dấu - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện/thành phố Gia Nghĩa | 04 giờ | | | |
| Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | <i>Bước 4</i> | Bộ phận TN&TKQ | CC, VC | - Thông báo cho tổ chức, cá nhân. - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. | Không tính thời gian | | | |

2. Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước (Mã số: 1.012837) 40 (ngày làm việc) x 08 giờ = 320 giờ

| Cơ quan | Bước thực hiện | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện | Kết quả thực hiện | TG quy định | Trước hạn (2đ) | Đúng hạn (1đ) | Quá hạn (0đ) |
|--|----------------|------------------|-----------------|---|-------------|----------------|---------------|--------------|
| Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | <i>Bước 1</i> | Bộ phận TN&TKQ | CC, VC | 1. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). 2. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). 3. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). 4. Chuyển hồ sơ. | 04 giờ | | | |

| Cơ quan | Bước thực hiện | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện | Kết quả thực hiện | TG quy định | Trước hạn (2đ) | Đúng hạn (1đ) | Quá hạn (0đ) |
|--------------------------------|----------------|-------------------------------------|------------------------------|---|-------------|----------------|---------------|--------------|
| UBND huyện/thành phố Gia Nghĩa | Bước 2 | Phòng chuyên môn được giao nhiệm vụ | Lãnh đạo phòng chuyên môn | Phân công chuyên viên thụ lý | 04 giờ | | | |
| | | | Chuyên viên phòng chuyên môn | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện bước tiếp theo. + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, đơn vị chuyên môn được giao nhiệm vụ thông báo bằng văn bản gửi TTHCC tỉnh để thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định (thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) - Tham mưu UBND huyện: + Tổ chức thẩm định hồ sơ; tham mưu ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ hoặc văn bản trả lời trong trường hợp từ chối. + Tham mưu văn bản phê duyệt kinh phí hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách - Trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy | 268 giờ | | | |
| | | | Lãnh đạo phòng chuyên môn | Xem xét ký nháy trình lãnh đạo UBND huyện/thành phố Gia Nghĩa ký duyệt | 08 giờ | | | |
| | | Lãnh đạo UBND huyện/thành | Lãnh đạo UBND huyện, thành | Ký duyệt | 32 giờ | | | |

| Cơ quan | Bước thực hiện | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện | Kết quả thực hiện | TG quy định | Trước hạn (2đ) | Đúng hạn (1đ) | Quá hạn (0đ) |
|--|----------------|------------------|-----------------|---|----------------------|----------------|---------------|--------------|
| | | phố Gia Nghĩa | phố Gia Nghĩa | | | | | |
| | | Văn thư | Văn thư | - Đóng dấu - Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện/thành phố Gia Nghĩa | 04 giờ | | | |
| Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | <i>Bước 4</i> | Bộ phận TN&TKQ | CC, VC | - Thông báo cho tổ chức, cá nhân. - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. | Không tính thời gian | | | |

CÁC MẪU HỒ SƠ KÈM THEO

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Kính gửi:

Tổ chức:

Loại hình tổ chức:

Ngành nghề kinh doanh:

Trụ sở chính:

Người đại diện tổ chức: Chức danh:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký của tổ chức/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh:

.....

Căn cứ Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

Căn cứ khác..... (nếu có);

I. ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI DỰ ÁN SAU:

1. Tên dự án:

2. Lĩnh vực đầu tư:

3. Địa điểm thực hiện dự án¹:.....

4. Mục tiêu và quy mô²:

5. Tổng vốn đầu tư:

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng (trong đó diện tích xây dựng là...):.....

.....

7. Số lao động sử dụng bình quân trong năm:

8. Tiến độ thực hiện dự kiến:

9. Dự án, tổ chức là đối tượng ưu tiên (nếu có):

.....

Tài liệu chứng minh dự án, tổ chức thuộc đối tượng ưu tiên kèm theo.

10. Nội dung khác:

II. KIẾN NGHỊ HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ:

1. Căn cứ hỗ trợ (nêu rõ nội dung, điều, khoản, điểm quy định về chính sách tại Nghị định này):

.....



2. Sự phù hợp với các điều kiện hỗ trợ:.....

3. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

| TT | Nội dung | Số tiền đầu tư (1.000 đồng) | Số tiền đề nghị hỗ trợ (1.000 đồng) | Ghi chú |
|----|-----------------------------------|--------------------------------|--|---------|
| 1 | (Công trình, hạng mục công trình) | | | |
| 2 | (Công trình, hạng mục công trình) | | | |
| 3 | | | | |

III. CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN KIẾN NGHỊ HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ:

.....

IV. TỔ CHỨC CAM KẾT:

- Về tính chính xác của những thông tin trên đây.
- Thực hiện dự án đáp ứng các điều kiện hỗ trợ của Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam trong quá trình tổ chức, thực hiện dự án.
- Cam kết đưa dự án vào hoạt động tối thiểu 03 năm kể từ ngày được quyết định hỗ trợ đầu tư.
- Nội dung khác (nếu có).
- Hồ sơ kèm theo:

Nơi nhận:

-
 -

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này nêu rõ địa điểm sản xuất phù hợp với quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

² Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định này nêu rõ tổng công suất sản xuất thiết kế đạt tối thiểu 100 nghìn tấn/năm.

Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định này nêu rõ công suất sản xuất thiết kế tối thiểu 30 tấn/năm.

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

... .., ngày tháng năm

VĂN BẢN THẨM TRA HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số.../2024/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi;

Căn cứ.....;

Căn cứ Văn bản đề xuất hỗ trợ đầu tư số ... ngày ... tháng ... năm..... của (tên tổ chức) đề nghị hỗ trợ đầu tư để thực hiện dự án (tên dự án) và hồ sơ dự án kèm theo;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/thành phố.....thẩm tra hỗ trợ đầu tư cho (tên tổ chức) để thực hiện Dự án (tên dự án) theo quy định tại.....(nêu rõ điều, khoản, điểm) Nghị định số.../2024/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi như sau:

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM TRA

- 1. Văn bản đề xuất hỗ trợ đầu tư số.....
- 2. Đề xuất dự án đầu tư.....
- 3. Biên bản kiểm tra thực tế (nếu có):
- 4. Ý kiến của các cơ quan liên quan:
 - 4.1.....
 - 4.2.....
 - 4.n.....
- 5. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

II. THÔNG TIN DỰ ÁN

- 1. Tên dự án:
- 2. Lĩnh vực đầu tư:.....
- 3. Mục tiêu và quy mô dự án: (mục tiêu sản phẩm đầu ra của dự án, số lượng lao động dự kiến, các công trình và diện tích đất sử dụng,.....).
- 4. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:
- 5. Cấp quyết định đầu tư dự án:
- 6. Địa điểm thực hiện dự án:
- 7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:(trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn vốn tổ chức huy động).
- 8. Dự kiến mức vốn đề nghị Nhà nước hỗ trợ:
- 9. Thời gian thực hiện:
- 10. Các thông tin khác (nếu có):

III. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Tổng hợp ý kiến của các cơ quan phối hợp

- 1.....
- 2.....
- 3.....
-

IV. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ THẨM TRA

1. Hỗ trợ đầu tư:

- Điều kiện đáp ứng:
- Mức hỗ trợ (cụ thể cho các công trình, hạng mục công trình):.....
-

- Thời gian hỗ trợ dự kiến:

2. Ý kiến khác:

V. KẾT LUẬN

Trên đây là ý kiến thẩm tra hỗ trợ đầu tư cho (tên tổ chức) để thực hiện Dự án.....(tên dự án).....(nêu rõ đáp ứng điều kiện được hưởng hay không đáp ứng).

Đề nghị (tên tổ chức) triển khai thực hiện dự án đáp ứng các mục tiêu, quy mô đề xuất và phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục nghiệm thu, thanh toán hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày... tháng.... năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các cơ quan tham gia ý kiến thẩm tra;
- Các đơn vị liên quan khác;
- Tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ;
- Lưu:

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TÊN TỔ CHỨC...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

V/v đề nghị nghiệm thu hoàn thành dự
án.....

Kính gửi:

Tổ chức:

Trụ sở chính:

Người đại diện tổ chức: Chức danh:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản số tại.....

Dự án(tên dự án)...., của chúng tôi được thẩm tra hỗ trợ đầu tư tại văn bản....

Đến thời điểm (ngày...tháng...năm...), Dự án đã được triển khai thực hiện, nay đề nghị nghiệm thu hoàn thành để hỗ trợ các nội dung sau:

| TT | Công trình, hạng công trình đã được thẩm tra hỗ trợ đầu tư | Mức vốn đã được thẩm tra hỗ trợ (1.000 đồng) | Mức vốn đề nghị hỗ trợ (1.000 đồng) | Ghi chú |
|-----|--|---|--|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| 3 | | | | |
| 4 | | | | |
| ... | | | | |

Nội dung khác (nếu có).

Tổ chức cam kết đã tuân thủ các quy định:

- Pháp luật về xây dựng, gồm:

- Pháp luật về môi trường, gồm:

- Pháp luật liên quan (nếu có):

Hồ sơ kèm theo gồm:

(Tên tổ chức) chúng tôi cam kết tính chính xác và chịu trách nhiệm về những thông tin trên đây.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở KHĐT...;

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

1. Dự án:

2. Địa điểm xây dựng:

3. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a) Hội đồng nghiệm thu:

- Căn cứ Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu số (ngày /tháng /năm) của

- Thành phần Hội đồng gồm có: (ghi rõ họ tên, chức vụ, cơ quan và số văn bản cử tham gia làm đại diện).

b) Tổ chức: (tên tổ chức)

Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách đầu tư dự án, công trình, hạng mục công trình:

c) Đơn vị thực hiện:

Người đại diện theo pháp luật của đơn vị thực hiện và cán bộ phụ trách thi công dự án, công trình, hạng mục công trình:

4. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

Bắt đầu:.....ngày....tháng năm ...

Kết thúc:.....ngày....tháng năm ...

Địa điểm nghiệm thu:

5. Đánh giá dự án, hạng mục công trình:

a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

.....

b) Mức hỗ trợ cho dự án (đối chiếu mức vốn hỗ trợ đã được thẩm tra hỗ trợ đầu tư; đơn giá, định mức theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan):

c) Điều kiện đáp ứng hỗ trợ theo quy định của Nghị định số.../2024/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi:.....

-

-

d) Về quy mô, chất lượng công trình, hạng mục công trình được hỗ trợ (theo thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật,...):

đ) Các ý kiến khác:

-

6. Kết luận:

- Chấp nhận nghiệm thu hỗ trợ đối với dự án.....(tên dự án).....của..... (tên tổ chức)đáp ứng yêu cầu và được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm...khoản...Điều...Nghị định số.../2024/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi; với các nội dung hỗ trợ như sau:.....

- Mức hỗ trợ cụ thể:

| TT | Công trình, hạng mục công trình | Mức vốn hỗ trợ đã được thẩm tra (1.000 đồng) | Mức vốn đề nghị hỗ trợ của Hội đồng nghiệm thu (1.000 đồng) | Ghi chú |
|-------|---------------------------------|---|--|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| 3 | | | | |
| | | | | |

- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có).

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh (để báo cáo);
- Tổ chức, cá nhân nhận hỗ trợ;
- Thành viên Hội đồng nghiệm thu;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu cơ quan chủ trì nghiệm thu)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/TP ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-....

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Hỗ trợ đầu tư đối với dự án (tên dự án) của (tên tổ chức) theo chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 19 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi;

Căn cứ đề xuất hỗ trợ tại Văn bản số.... ngày.... tháng.... năm.... của (tên tổ chức) đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án (tên dự án);

Căn cứ Văn bản thẩm tra hỗ trợ số.....ngày... tháng... năm.... của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/TP.....;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu ngày ...tháng...năm... của Hội đồng nghiệm thu;

Căn cứ khác (nếu có);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ đầu tư đối với dự án (tên dự án) của (tên tổ chức) như sau:

1. Mức vốn dự kiến hỗ trợ (cho từng công trình, hạng mục công trình):

- Công trình, hạng mục công trình...

-

2. Dự kiến thời gian:

3. Nguồn vốn:

4. Điều kiện hỗ trợ:

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan và tổ chức:

1.....

2.....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan:....., tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Các Bộ: KH&ĐT, NN&PTNT, TC;
- Các sở, ngành liên quan;
- Kho bạc Nhà nước;
- Tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ;
- Đơn vị có liên quan khác;
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

11/11/2011

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ**A. Đối với tổ chức****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ**

Kính gửi:

Tổ chức (Tên tổ chức):

Loại hình tổ chức:

Ngành nghề kinh doanh:

Trụ sở chính:

Người đại diện: Chức danh:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký của tổ chức/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) số do.....cấp ngày ... tháng ... năm ...

I. Đề nghị hỗ trợ đầu tư với nội dung sau:

- Tên dự án:
- Lĩnh vực đầu tư:
- Địa điểm thực hiện dự án:
- Mục tiêu và quy mô của dự án:
- Tổng vốn đầu tư và dự toán kinh phí của dự án:
- Diện tích đất dự kiến sử dụng:
- Số lao động dự án sử dụng bình quân trong năm:
- Tiến độ thực hiện dự án dự kiến:

II. Kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư (theo Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi):

- Căn cứ hỗ trợ:
- Sự phù hợp với các điều kiện hỗ trợ.....
- Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

| TT | Nội dung | Số tiền (1.000 đồng) | Thời gian hỗ trợ (năm) | Ghi chú |
|----|----------|-------------------------|------------------------|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| 3 | | | | |

| | | | | |
|-------|--|--|--|--|
| | | | | |
|-------|--|--|--|--|

Tổng số tiền đầu tư.....đồng

(Bằng chữ:).

III. Cách tính các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

.....

IV. Tổ chức cam kết: Nội dung hồ sơ đầu tư

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

..., ngày...tháng...năm....
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
 (Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

-
-
-



B. Đối với cá nhân

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ

Kính gửi:.....

Tôi tên là:

Số CMND/CCCD/mã định danh cá nhân:.....Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Mã số đăng ký kê khai hoạt động chăn nuôi:

Tên cơ sở chăn nuôi (tên chủ cơ sở):

Địa chỉ cơ sở chăn nuôi:.....

Đối tượng chăn nuôi:.....

Diện tích cơ sở chăn nuôi:.....

Dự kiến sản lượng/công suất/năm:.....

Nội dung đề nghị hỗ trợ:

-

-

-

Căn cứ Nghị định số...../2024/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2024 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

Tôi đề nghị được hỗ trợ với số tiền làđồng.

(*Bằng chữ:*).

Tôi cam kết sẽ sử dụng kinh phí được hỗ trợ vào đúng nội dung, mục đích và tại thời điểm hiện tại tôi chưa nhận hỗ trợ theo chính sách hỗ trợ khác của Nhà nước về nội dung đề nghị hỗ trợ nêu trên.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết của mình.

..., ngày...tháng...năm....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(*Ký, ghi rõ họ tên*)

Các tài liệu gửi kèm gồm:

-

-

-

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỘ CHĂN NUÔI LỢN NÁI ĐƯỢC PHỐI GIỐNG NHÂN TẠO

(tháng.....năm.....)

| TT | Họ tên chủ hộ nuôi lợn nái | Địa chỉ | Loại lợn cái giống | | Lứa đẻ | Phối giống | | | | | | Ký nhận của chủ hộ |
|------|----------------------------|---------|--------------------|-----------|--------|----------------------------|-----------|----------------------------|-----------|----------------------------|-----------|--------------------|
| | | | | | | Lần 1 | | Lần 2 | | Lần 3 | | |
| | | | Số tai (nếu có) | Giống lợn | | Số hiệu đực giống cho tinh | Ngày phối | Số hiệu đực giống cho tinh | Ngày phối | Số hiệu đực giống cho tinh | Ngày phối | |
| 1 | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

**Tổ chức thực hiện chương trình
phối giống nhân tạo gia súc**

**Xác nhận chính quyền địa
phương cấp xã**

**Người làm dịch vụ phối giống
nhân tạo gia súc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ**A. Đối với tổ chức**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ

Kính gửi:

Tổ chức (Tên tổ chức):

Loại hình tổ chức:

Ngành nghề kinh doanh:

Trụ sở chính:

Người đại diện: Chức danh:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký của tổ chức/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) số do.....cấp ngày ... tháng ... năm ...

I. Đề nghị hỗ trợ đầu tư với nội dung sau:

1. Tên dự án:

2. Lĩnh vực đầu tư:

3. Địa điểm thực hiện dự án:

4. Mục tiêu và quy mô của dự án:

5. Tổng vốn đầu tư và dự toán kinh phí của dự án:

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng:

7. Số lao động dự án sử dụng bình quân trong năm:

8. Tiến độ thực hiện dự án dự kiến:

II. Kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư (theo Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi):

1. Căn cứ hỗ trợ:

2. Sự phù hợp với các điều kiện hỗ trợ:

3. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

| TT | Nội dung | Số tiền <i>(1.000 đồng)</i> | Thời gian hỗ trợ (năm) | Ghi chú |
|-----------|-----------------|---------------------------------------|-------------------------------|----------------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| 3 | | | | |
| | | | | |

Tổng số tiền đầu tư.....đồng

(Bằng chữ:).

III. Cách tính các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

.....
.....
.....

IV. Tổ chức cam kết: Nội dung hồ sơ đầu tư

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

....., ngày...tháng...năm.....
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

-
-
-

B. Đối với cá nhân

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ

Kính gửi:.....

Tôi tên là:

Số CMND/CCCD/mã định danh cá nhân:.....Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Mã số đăng ký kê khai hoạt động chăn nuôi:

Tên cơ sở chăn nuôi (tên chủ cơ sở):

Địa chỉ cơ sở chăn nuôi:.....

Đối tượng chăn nuôi:.....

Diện tích cơ sở chăn nuôi:.....

Dự kiến sản lượng/công suất/năm:.....

Nội dung đề nghị hỗ trợ:

-

-

-

Căn cứ Nghị định số...../2024/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2024 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

Tôi đề nghị được hỗ trợ với số tiền là đồng.

(*Bằng chữ:*

Tôi cam kết sẽ sử dụng kinh phí được hỗ trợ vào đúng nội dung, mục đích và tại thời điểm hiện tại tôi chưa nhận hỗ trợ theo chính sách hỗ trợ khác của Nhà nước về nội dung đề nghị hỗ trợ nêu trên.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết của mình.

....., ngày...tháng...năm....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(*Ký, ghi rõ họ tên*)

Các tài liệu gửi kèm gồm:

-

-

